

Số:62 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 5037/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh về việc Phân cấp thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 03/TTr-SVHTTDL ngày 07/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

(Có Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02, 03, 04 Phụ lục I; Quy trình nội bộ thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02, 03, 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 21/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa trong lĩnh vực Văn hóa cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VP Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND các xã, phường;
- Các PCVP UBND tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, TTPVHCC(HVT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Nhân

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC VĂN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số: 62 /QĐ-UBND ngày 11 /01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH LẠNG SƠN (02 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết theo quy định	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
01	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Địa chỉ: Số 71 Nhị Thanh, phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucon.g.gov.vn.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; - <i>Thông tư số 110/2025/TT-BTC ngày 19/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</i>
02	1.000922	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			

¹ Phần chữ in nghiêng là VBQPPL sửa đổi, bổ sung.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ (02 TTHC)²

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết theo quy định	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ³
01	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;
02	1.000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	- Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; - <i>Thông tư số 110/2025/TT-BTC ngày 19/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</i>

² 02 TTHC đã được UBND tỉnh phân cấp cho UBND các xã, phường thực hiện giải quyết tại Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2026.

³ Phần chữ in nghiêng là VBQPPL sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục II
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI
QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ
THAO VÀ DU LỊCH, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số:62/QĐ-UBND ngày 11/01/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH
NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (04 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)	
1	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	
2	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)	
1	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	
2	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

Các cụm từ viết tắt:

- Thủ tục hành chính: TTHC
- Công chức một cửa: CCMC
- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Sở VHTTDL
- Quản lý Văn hóa và Di sản: QLVH&DS
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Văn hóa Xã hội: VHXH
- Nhân viên bưu điện: NVBĐ

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)**1. Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường.**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLVH&DS.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/NVBD	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVH&DS	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, thông báo cho cá nhân/tổ chức yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc; - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Thẩm định hồ sơ, thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại địa điểm kinh doanh.	Chuyên viên Phòng QLVH&DS	03 ngày làm việc
B4	Đoàn thẩm định tổ chức thẩm định và ban hành kết quả thẩm định theo mẫu quy định	Thành phần Đoàn thẩm định	04 ngày làm việc
B5	Xem xét kết quả thẩm định của Đoàn thẩm định, văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLVH&DS	01 ngày làm việc
B6	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý: - Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản kết quả giải quyết. - Nếu không đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.	Lãnh đạo Sở VHTTDL	0,5 ngày làm việc
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC tại TTPVHCC tỉnh	Văn thư Sở VHTTDL	0,5 ngày làm việc
B8	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/NVBD	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc

2. Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLVH&DS.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/NVBD	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVH&DS	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, thông báo cho cá nhân/tổ chức yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc; - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Thẩm định hồ sơ, thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại địa điểm kinh doanh.	Chuyên viên Phòng QLVH&DS	01 ngày
B4	Đoàn thẩm định tổ chức thẩm định và ban hành kết quả thẩm định theo mẫu quy định	Thành phần Đoàn thẩm định	03 ngày
B5	Xem xét kết quả thẩm định của Đoàn thẩm định, văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLVH&DS	01 ngày
B6	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý: - Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản kết quả giải quyết; - Nếu không đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.	Lãnh đạo Sở VHTTDL	0,5 ngày
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC tại TTPVHCC tỉnh	Văn thư Sở VHTTDL	0,5 ngày
B8	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/NVBD	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)¹

1. Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng VHXX.	Công chức làm việc tại TTPVHCC xã, phường/NVBD	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VHXX	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, thông báo cho cá nhân/tổ chức yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc; - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Thẩm định hồ sơ, thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại địa điểm kinh doanh.	Chuyên viên Phòng VHXX	03 ngày làm việc
B4	Đoàn thẩm định tổ chức thẩm định và ban hành kết quả thẩm định theo mẫu quy định	Thành phần Đoàn thẩm định	3,5 ngày làm việc
B5	Xem xét kết quả thẩm định của Đoàn thẩm định, văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo UBND xã, phường	Lãnh đạo Phòng VHXX	01 ngày làm việc
B6	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý: - Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản kết quả giải quyết. - Nếu không đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.	Lãnh đạo UBND xã, phường	01 ngày làm việc
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho Công chức làm việc tại TTPVHCC xã, phường	Văn thư UBND xã, phường	0,5 ngày làm việc
B8	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	Công chức làm việc tại TTPVHCC xã, phường/NVBD	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc

¹ Hai TTHC đã được UBND tỉnh phân cấp cho UBND các xã, phường thực hiện giải quyết tại Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2026.

2. Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng VHXX.	Công chức làm việc tại TTPVHCC xã, phường/NVBD	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VHXX	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, thông báo cho cá nhân/tổ chức yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc; - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Thẩm định hồ sơ, thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại địa điểm kinh doanh.	Chuyên viên Phòng VHXX	01 ngày
B4	Đoàn thẩm định tổ chức thẩm định và ban hành kết quả thẩm định theo mẫu quy định	Thành phần Đoàn thẩm định	03 ngày
B5	Xem xét kết quả thẩm định của Đoàn thẩm định, văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo UBND xã, phường	Lãnh đạo Phòng VHXX	01 ngày
B6	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý: - Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản kết quả giải quyết; - Nếu không đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.	Lãnh đạo UBND xã, phường	0,5 ngày
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho Công chức làm việc tại TTPVHCC xã, phường	Văn thư UBND xã, phường	0,5 ngày
B8	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	Công chức làm việc tại TTPVHCC xã, phường/NVBD	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày